

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016

HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		505,698,343,337	493,137,035,661
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	70,100,301,486	164,533,752,079
1 Tiền	111		3,010,301,486	27,832,586,018
2 Các khoản tương đương tiền	112		67,090,000,000	136,701,166,061
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		209,904,242,658	258,484,608,951
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	112,452,695,998	149,309,103,204
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	86,404,847,020	56,604,391,061
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.05	-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	61,846,362,869	105,452,448,048
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(50,799,663,229)	(52,881,333,362)
IV. Hàng tồn kho	140	V.08	207,017,103,669	61,248,636,430
1 Hàng tồn kho	141		207,017,103,669	61,248,636,430
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,676,695,524	8,870,038,201
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,298,139,017	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		13,997,502,115	6,779,919,574
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.15	3,381,054,392	2,090,118,627
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		468,439,302,631	494,655,735,497
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.05	-	-
II. Tài sản cố định	220		15,899,983,983	5,271,806,577
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	15,774,928,205	5,146,976,577
- Nguyên giá	222		32,027,089,304	20,850,762,940
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16,252,161,099)	(15,703,786,363)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.11	125,055,778	124,830,000
- Nguyên giá	228		833,820,000	783,820,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(708,764,222)	(658,990,000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	108,219,000	10,490,260,000
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		108,219,000	10,490,260,000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	428,583,297,225	458,583,297,225
1 Đầu tư vào công ty con	251		461,522,690,757	474,731,033,021
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		54,263,592,152	41,055,249,888
3 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		28,883,043,675	28,883,043,675
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(116,086,029,359)	(86,086,029,359)
V. Tài sản dài hạn khác	260		23,847,802,423	20,310,371,695
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	23,847,802,423	20,310,371,695
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		974,137,645,968	987,792,771,158



TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Tel: (84-4) 35 142 417

Fax: (84-4) 38 560 629

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016

đến ngày 30/9/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	31/12/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		304,252,433,840	326,626,073,034
I. Nợ ngắn hạn	310		304,200,700,340	326,574,339,534
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	133,832,521,364	210,242,641,646
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	47,548,648,935	21,280,193,139
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1,078,857,254	2,296,136,577
4 Phải trả người lao động	314		2,404,757,587	8,875,501,288
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	58,779,032,690	23,119,419,196
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.17	-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	34,223,345,265	52,296,220,307
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	17,130,098,570	90,982,262
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	3,814,316,693	3,992,333,137
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5,389,121,982	4,380,911,982
II. Nợ dài hạn	330		51,733,500	51,733,500
7 Phải trả dài hạn khác	337	V.12	51,733,500	51,733,500
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		669,885,212,128	661,166,698,124
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	669,885,212,128	661,166,698,124
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		550,000,000,000	550,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550,000,000,000	550,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		285,845	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119,884,926,283	111,166,698,124
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		107,602,698,124	80,024,154,528
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12,282,228,159	31,142,543,596
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		974,137,645,968	987,792,771,158

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Lê Đức Thọ

Hoàng Thế Hiển

Hoàng Chí Cường



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2016	Lũy kế đến cuối kỳ	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	109,609,497,195	259,254,583,506	993,685,401,926
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		109,609,497,195	259,254,583,506	993,685,401,926
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	101,047,558,798	243,762,485,184	933,510,326,220
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8,561,938,397	15,492,098,322	60,175,075,706
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,621,776,128	45,677,036,935	61,375,699,208
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	57,467,469	30,162,729,543	39,427,487,480
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		57,467,469	162,729,543	51,117,066
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	6,587,789,667	20,470,146,726	51,870,176,574
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		3,538,457,389	10,536,258,988	30,253,110,860
11 Thu nhập khác	31	VI.5	584,704,544	1,138,031,817	4,643,893,796
12 Chi phí khác	32	VI.6	1,750	111,290,778	4,253,723,409
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		584,702,794	1,026,741,039	390,170,387
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		4,123,160,183	11,563,000,027	30,643,281,247
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4,123,160,183	11,563,000,027	30,643,281,247
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10			

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Lê Đức Thọ

Hoàng Thế Hiền

Hoàng Chí Cường



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/9/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11,563,000,027	30,643,281,247
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		498,600,514	2,680,796,207
- Các khoản dự phòng	03		27,740,313,423	20,066,510,115
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(285,845)	(1,823,918)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(45,826,000,571)	(57,691,068,718)
- Chi phí lãi vay	06		162,729,543	51,117,066
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(5,861,642,909)	(4,251,188,001)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		70,952,323,880	271,560,750,145
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(145,768,467,239)	153,448,660,829
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(65,294,125,531)	(462,122,026,928)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4,835,569,745)	(7,129,952,928)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(162,729,543)	(821,245,448)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			499,262,349
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(25,924,775,137)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(150,970,211,087)	(74,740,515,119)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1,296,490,909)	(4,778,697,727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		148,963,636	18,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			1,100,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1,020,000,000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		40,743,561,040	51,427,374,539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		39,596,033,767	46,746,676,812
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		45,505,346,464	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(28,564,905,581)	(762,887,339)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16,940,440,883	(762,887,339)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(94,433,736,437)	(28,756,725,646)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		164,533,752,078	193,288,653,806
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		285,845	1,823,918
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	70,100,301,486	164,533,752,078

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Lê Đức Thọ

Hoàng Thế Hiến

Hoàng Chí Cường

